

Số: 30/2025/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Xét Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 170/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ

Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân xã, phường.
- b) Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã, phường.
- c) Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường.
- d) Ban chỉ đạo bầu cử; Ủy ban bầu cử tỉnh, xã, phường; Ban bầu cử; Tổ bầu cử thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
- đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ

Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang: Theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2025 và bãi bỏ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định mức chi cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau của cùng một nội dung chi thì chỉ được hưởng mức chi cao nhất. Danh sách chi được thực hiện theo các văn bản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

5. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính; Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh Tuyên Quang (đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (NgT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hầu Minh Lợi

Phụ lục

QUY ĐỊNH MỨC CHI, THỜI GIAN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ KINH PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC TỔ CHỨC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
A	B	1	2	3
1	Chi tổ chức hội nghị			
a	Mức chi tổ chức hội nghị		Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị; chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	
b	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử		Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND	
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp			
a	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam			
-	Chủ trì cuộc họp	đồng /người /buổi	500.000	250.000
-	Thành viên tham dự	đồng /người /buổi	200.000	100.000
-	Các đối tượng phục vụ	đồng /người /buổi	100.000	50.000
b	Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử			
-	Chủ trì cuộc họp	đồng /người /buổi	300.000	150.000
-	Thành viên tham dự	đồng /người /buổi	200.000	100.000
-	Các đối tượng phục vụ	đồng /người /buổi	100.000	50.000
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:			
	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
A	B	1	2	3
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng /người /buổi	300.000	150.000
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng /người /buổi	200.000	100.000
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:			
-	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát:	đồng /người /buổi	150.000	75.000
-	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng /người /buổi	100.000	50.000
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)			
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát;	đồng/ báo cáo	3.000.000	1.500.000
-	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử các cấp	đồng/ báo cáo	4.000.000	2.000.000
4	Chi xây dựng văn bản			
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang	
b	Chi xây dựng các văn bản (không bao gồm văn bản QPPL)			
-	Báo cáo tổng kết cuộc bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	đồng/ báo cáo	3.000.000	1.500.000
-	Xây dựng văn bản không bao gồm báo cáo tổng kết cuộc bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).	đồng/văn bản	600.000	300.000
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:			
-	Trưởng, phó Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử	đồng/người/ tháng	2.200.000	1.100.000
-	Thành viên Ban chỉ đạo, Thành viên Ủy ban bầu cử	đồng/người/ tháng	2.000.000	1.000.000
-	Thành viên tổ giúp việc	đồng/người/ tháng	1.800.000	900.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
A	B	1	2	3
-	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử		Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử tính từ thời gian Quyết định thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực tới khi kết thúc nhiệm vụ.	
b	Bồi dưỡng đối với các đối tượng là thành viên các Ban bầu cử, tổ bầu cử trong đợt bầu cử và các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	đồng /người/ ngày	120.000	60.000
	Thực hiện chi bồi dưỡng theo mức khoán trong trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày; trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/ người/ tháng	1.800.000	900.000
c	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	đồng/người/ ngày	250.000	125.000
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
a	Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban	đồng/ người/ tháng	200.000	100.000
b	Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban, Tổ trưởng, tổ phó tổ giúp việc	đồng/ người/ tháng	150.000	75.000
c	Thành viên các tiểu ban, tổ giúp việc	đồng/ người/ tháng	125.000	62.500
d	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động		Theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, nhưng tối đa không quá 4 tháng	
7	Khoán chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu HĐND tỉnh thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử	đồng/ người/ điểm	1.000.000	
8	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử			
a	Người được giao trực tiếp công dân	đồng/ người/ buổi	130.000	100.000
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/ người/ buổi	80.000	60.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
A	B	1	2	3
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/ người/ buổi	50.000	40.000
9	Chi đóng hòm phiếu			
	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	đồng/ hòm phiếu	500.000	
10	Chi khắc dấu			
	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	đồng/ dấu	400.000	
11	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử			
	Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	đồng/ bảng	1.200.000	
12	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	
13	Chi công tác tuyên truyền, in ấn		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về dấu thảo, giao nhiệm vụ.	
14	Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ Văn phòng Hội đồng bầu cử		Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chỉ tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm giao cho Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Sở Nội vụ	
15	Các nội dung chi khác chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và văn bản quy phạm pháp luật khác		Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	
16	Chi hỗ trợ cho địa điểm bỏ phiếu thực hiện công tác bầu cử			
	Văn phòng phẩm	đồng/địa điểm bỏ phiếu	1.000.000	
	Chi phục vụ bầu cử (Trang trí khánh tiết, loa đài,...)		850.000	
	Nước uống		150.000	